

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 4 - 2026
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nghi

2. Ông Nguyễn Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2025/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn A, sinh ngày 23/3/1983; Căn cước công dân số 0370830035xx cấp ngày 16/12/2021 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; Địa chỉ cư trú: xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Văn H, sinh ngày 16/6/1984; Căn cước công dân số 0371840007xx, cấp ngày 16/5/2023 của Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an; ĐKKHKT: xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình. Nơi ở hiện nay: chị Trần Văn H đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, lần gần nhất vào ngày 02/02/2024 (đi Hungary không xác định được địa chỉ cụ thể).

Anh Văn A có mặt, chị H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh Trần Văn A trình bày: Anh và chị Trần Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình). Thời gian đầu chung sống cuộc sống hôn nhân diễn ra hòa thuận, hạnh phúc. Ngày 02/02/2024, chị H lao động xuất khẩu tại Hungary từ đó cho đến nay và chị H chưa về nước lần nào. Khi chị H đi lao động xuất khẩu con lớn nhất 15 tuổi, con nhỏ nhất 7 tuổi, các con để ở nhà một mình anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian đi lao động xuất khẩu, chị H có gửi tiền về cho các con ăn học và thỉnh thoảng có điện thoại về cho các con. Do chị H đi lao động xuất khẩu đã lâu nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện để chị H trở về Việt Nam làm ăn để cùng nuôi dạy các con nhưng chị H không nghe, vẫn cương quyết tiếp tục ở lại Hungary làm ăn, sinh sống, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm cãi nhau, chị H tuyên bố sang đó làm ăn, không về Việt Nam nữa. Anh Văn A đã hỏi địa chỉ cụ thể ở Hungary của chị H, nhưng chị H không nói mà chỉ nói là đang ở Hungary. Từ khi chị H đi lao động xuất khẩu đến nay vợ chồng đã sống ly thân gần 02 năm. Qua liên lạc thì chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và cũng mong muốn ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Văn H.

- Về con chung: Anh Văn A và chị H có 03 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 21/07/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng với anh và đang học tại xã P, tỉnh Ninh Bình. Từ khi chị H đi lao động xuất khẩu đến nay 03 cháu đều do anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 3 cháu và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, nếu chị H tự nguyện cấp dưỡng cho các cháu bao nhiêu là tùy chị H.

+ Con riêng: Ngoài các cháu Trần Công M, cháu Trần Công N và cháu Trần Công D thì anh Văn A và chị H không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Văn A sẽ nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Trần Văn H nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị H tại xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình), chị H đang sinh sống tại Hungary (nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể)

Tại Văn bản số 1165/XNC ngày 28/11/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Ninh Bình cung cấp như sau: Trường hợp Trần Văn H, sinh ngày 16/6/1984; số CCCD 0371840007xx, nơi sinh Ninh Bình đã sử dụng hộ chiếu số P02183157 xuất cảnh Việt Nam đi Qatar vào ngày 02/02/2024 qua Cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Tại Biên bản xác minh Công an xã P, tỉnh Ninh Bình ngày 14/02/2026 thể hiện: qua kiểm tra dữ liệu lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì chị Trần Văn H, sinh ngày 16/6/1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình cùng hộ khẩu với anh Trần Văn A, sinh năm 1983 (chồng chị H). Chị H không tách, chuyển hộ khẩu đến địa chỉ nơi cư trú khác.

Tại Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Ninh Bình ngày 14/01/2026 thể hiện: Anh Trần Văn A và chị Trần Văn H đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại địa phương. Ủy ban nhân dân xã không nắm được nguyên nhân dẫn đến việc phát sinh mâu thuẫn giữa anh Văn A và chị H vì từ trước đến nay anh chị không có yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Về con chung: anh Văn A và chị H có 03 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 21/07/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018. Hiện tại chị H đi xuất khẩu lao động nước ngoài tại Hungary từ năm 2024 đến nay, địa chỉ cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không rõ, chị H vẫn có hộ khẩu tại xóm 5A L, xã T, tỉnh Ninh Bình. Nay anh Văn A làm đơn ly hôn với chị H quan điểm của chính quyền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xem xét bảo vệ quyền lợi cho các cháu là con chung của anh Văn A và chị H do các cháu đều chưa thành niên. Về thu nhập do anh Trần Văn A và chị Trần Văn H đều là lao động tự do nên địa phương không nắm được mức thu nhập cụ thể của từng người.

Tại Biên bản làm việc ngày 14/01/2026 tại gia đình bà Vũ Thị L, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của chị Trần Văn H tại xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình đã xác nhận: Anh Trần Văn A và chị Trần Văn H đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống không rõ giữa chị H và anh Văn A xảy ra mâu thuẫn như thế nào bà không biết. Năm 2023, chị H đi nước ngoài làm ăn hiện chưa về Việt Nam. Bà không nắm được địa chỉ của chị H ở nước ngoài là ở đâu chỉ biết chị H xuất cảnh sang Hungary. Về con chung: anh Văn A và chị H có 03 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 21/07/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018. Đối với yêu cầu ly hôn

của anh Văn A gia đình sẽ liên hệ với chị H thông qua mạng xã hội để thông báo cho chị H biết các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản lấy ý kiến ngày 16 tháng 10 năm 2025 thì cháu Trần Công M; cháu Trần Công N và cháu Trần Công D trình bày: cháu là con của bố Trần Văn A và mẹ Trần Văn H hiện nay các cháu đang học tại xã P, tỉnh Ninh Bình. Mẹ cháu là Trần Văn H đã đi xuất khẩu lao động nước ngoài từ năm 2023 đến nay chưa về Việt Nam. Khi mẹ đi lao động xuất khẩu các cháu còn nhỏ và từ khi mẹ cháu xuất cảnh đến nay các cháu đều do bố chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không chấp hành và không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 469; các điều 474; 476; 477; 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn A ly hôn chị Trần Văn H.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Công M, sinh ngày 21/07/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018 kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Văn A không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Anh Văn A không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Án phí: Anh Trần Văn A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn A có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Trần Văn H, có quốc tịch Việt Nam, chị H hiện đã xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, lần gần nhất vào ngày 02/02/2024 qua cửa khẩu Quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội. Trước khi xuất cảnh địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H là xóm 5A L, xã P, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn A chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của chị H mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài, anh Trần Văn A chỉ biết chị H đang ở Hungary. Anh Trần Văn A và chị H chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại.

Bị đơn là chị Trần Văn H hiện vắng mặt tại nơi cư trú. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho thân nhân của chị H và tiến hành xác minh làm việc với thân nhân của chị H (bà Vũ Thị L là mẹ đẻ của chị H) xác nhận hiện nay chị H vẫn đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài Hungary, bà L và chị H liên lạc bằng điện thoại nhưng chị H không nói rõ địa chỉ cụ thể của chị H tại nước ngoài nên bà L không biết địa chỉ chính xác của chị H để cung cấp cho Tòa án, bà L thông báo cho chị H biết việc Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đang thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn A. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú trước khi xuất cảnh của chị H và đăng thông báo về việc Thụ lý vụ án trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và đăng tin Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trên kênh Ban đối ngoại (VOV5 - nước ngoài) Đài Tiếng nói Việt Nam (trong 03 ngày từ ngày 20, 21, 22/01/2026) để chị H biết và đến Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình để giải quyết việc ly hôn giữa anh Trần Văn A và chị Trần Văn H. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến quan điểm của chị H đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần

Văn A. Chị H không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Ngày 03/4/2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã mở phiên tòa xét xử vụ án nói trên nhưng chị H không có mặt. Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã hoãn phiên tòa và xét xử lần 2 vào ngày 28/4/2026. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A và chị Trần Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (nay là xã P, tỉnh Ninh Bình). Như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Văn A và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Cuối năm 2023, chị H lao động xuất khẩu tại Hungary từ đó cho đến nay và chị H chưa về nước lần nào. Từ khi chị H đi lao động xuất khẩu đến nay vợ chồng đã sống ly thân gần 02 năm, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau, mâu thuẫn không thể khắc phục chứng tỏ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Anh Trần Văn A và chị Trần Văn H có 03 con chung là cháu Trần Công M, sinh ngày 21/07/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018. Từ khi chị H xuất khẩu lao động đến nay các cháu đều do anh Trần Văn A chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Văn A có nguyện vọng được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 03 cháu. Để chứng minh cho yêu cầu của mình anh Văn A đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh mức thu nhập hàng tháng để làm căn cứ xác định khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung là bảng xác nhận lương của Công ty TNHH TM S xác nhận mức thu nhập của anh Văn A từ 11.000.000 đồng đến 11.500.000 đồng/tháng. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại chị H đang làm ăn, sinh sống tại Hungary chưa về nước, thực tế từ khi chị H đi xuất khẩu lao động 03 cháu M, N, D đều do anh Văn A chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Do vậy sau khi xem xét khả năng, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con để không làm ảnh hưởng sự phát triển lành mạnh và không làm thay

đổi môi trường sống của con chung đề nghị của anh Văn A được chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung là có căn cứ. Vì vậy cần giao cho anh Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trần Công M, cháu Trần Công N và cháu Trần Công D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con riêng: Ngoài các cháu Trần Công M, cháu Trần Công N và cháu Trần Công D, anh Văn A và chị H không ai có con riêng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Văn A không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con còn việc chị H tự nguyện cấp dưỡng cho các con bao nhiêu là tùy chị H. Tòa án đã giải thích cho anh Văn A biết việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con nhưng anh Văn A vẫn không yêu cầu. Xét đây là sự tự nguyện của anh Văn A mặt khác từ năm 2023 đến nay anh Văn A vẫn trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, vẫn đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt, học tập cho các cháu. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Văn A về việc không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Anh Văn A và chị H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Trần Văn A là người khởi kiện nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do nguyên đơn có yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83, 84; 123; 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các điều 271, 273, 469, 470, 473, 474, 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 35 của Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải đôi thoai tại Tòa án;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án về hôn nhân và gia đình.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn A về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn A được ly hôn chị Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Công M, sinh ngày 21/7/2008; cháu Trần Công N, sinh ngày 18/6/2015 và cháu Trần Công D, sinh ngày 15/7/2018 cho anh Trần Văn A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Chị Trần Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Văn H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

* Về con riêng: Vợ chồng không ai có con riêng và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: anh Trần Văn A và chị Trần Văn H tự nguyện thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Văn A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003589 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/4/2026), bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4, tỉnh Ninh Bình
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu toà và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu